TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn.

2. Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 468/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn – Chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 464/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh Q, sinh năm 1979.

Địa chỉ: số 54/81, tổ 27 khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A.

Địa chỉ liên lạc: tổ 59, khóm Bình Đức 1, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số 54/81, tổ 27 khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A.

Địa chỉ liên lạc: tổ 59 khóm B1, phường B, thành phố L, tỉnh A(có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trương Thành T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh A(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.2. Bà Lê Thị Cẩm L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện P, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Linh: Bà Trần Thị L, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện P, tỉnh A. Theo giấy ủy quyền số 462 ngày 31/10/2022 do UBND xã X, huyện P, tỉnh A chứng nhận. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng ngày 05/09/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Thanh Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Ông Trần Thanh Q và bà Trần Thị Ngọc Đ tự quen biết, tìm hiểu sau đó kết hôn vào năm 2005, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 143.KH.2005 ngày 05/09/2005 do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho ông Q và bà Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông Q và bà Đ tìm cách hàn gắn nhưng mâu thuẫn càng trầm trọng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Đ.

- Về quan hệ con chung: Ông Trần Thanh Q và bà Trần Thị Ngọc Đ có một con chung tên Trần Quốc V, sinh ngày 11/11/2019 (nam). Ông Q yêu cầu giao con chung cho bà Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Yêu cầu bà Đ phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Q trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung ông Q tự nguyện cấp dưỡng với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Thời gian thực hiện từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên (18 tuổi).

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Q yêu cầu tự thỏa thuận với bà Đ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Theo yêu cầu khởi kiện, ông Q yêu cầu bà Đ có trách nhiệm liên đới trả số tiền 100.000.000đ cho ông Trương Thành T, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh A và 50.000.000đ cho bà Lê Thị Cẩm L, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện P, tỉnh A. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông Q tự nguyện trả nợ với số tiền 150.000.000đ, trong đó 100.000.000đ cho ông T, 50.000.000đ cho bà L, ông Q không yêu cầu bà Đ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ.

Theo biên bản lấy lời khai, ý kiến của đương sự, bản khai cùng ngày 27/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Trần Thị Ngọc Đ và ông Trần Thanh Q tự quen biết, tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ngày 05/09/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai vợ chồng cố gắn xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không đạt được nên đồng ý theo yêu cầu xin ly hôn của ông Q.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có một con chung Trần Quốc V, sinh ngày 11/11/2019. Bà Đ đồng ý trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho ông Q trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông Q tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, bà Đ thống nhất không có ý kiến tranh chấp.

Về tài sản chung: Thống nhất theo yêu cầu của ông Q, vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nhưng ông Q khởi kiện yêu cầu bà Đ liên đới trách nhiệm trả nợ và nay ông Q đã xác định tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ cho ông Trương Thành T và bà Lê Thị Cẩm L nên bà Đ không có ý kiến tranh chấp, vợ chồng không có nợ chung.

Theo biên bản lấy lời khai, ý kiến của đương sự ngày 27/10/2022, bản khai ngày 06/11/2022, 21/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trương Thành T trình bày: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Q, xác định còn nợ tôi – T số tiền 100.000.000 đồng. Thực tế ông Q còn vay thêm 15 chỉ vàng 24k để xây dựng nhà ở. Đối với số tiền, vàng vay giữa ông Tâm và ông Q thỏa thuận ông Q có trách nhiệm trả tiền, vàng; thời gian thực hiện vào tháng 02/2023, không đưa ra yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không yêu cầu bà Đ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ.

Theo bản khai không thể hiện ngày tháng năm, nộp cho Tòa án nhận ngày 31/10/2022, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 08/11/2022 của bà Lê Thị Mỹ L do bà Nguyễn Thị L đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Lê Thị Mỹ L có cho ông Q vay số tiền 50.000.000 đồng, nay được biết ông Q đồng ý trả tiền nên bà L không tranh chấp, không đưa ra yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Trần Thanh Q trình bày: Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Ông Q yêu cầu xin ly hôn với bà Trần Thị Ngọc Đ. Về quan hệ con chung: Ông Q và bà Đ có một con chung tên Trần Quốc V, sinh ngày 11/11/2019, hiện nay đang sống chung với bà Đ, do đó ông Q đồng ý giao con chung cho bà Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ/tháng, thời gian thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên (18 tuổi).

Về tài sản chung: Ông Q yêu cầu được tự thỏa thuận với bà Đ, vợ chồng không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Q tự nguyện trả nợ với số tiền 150.000.000đ, trong đó 100.000.000đ cho ông T, 50.000.000đ cho bà L, ông Q không yêu cầu bà Đ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ. Ông Q tự nguyện rút lại yêu cầu bà Đ liên đới trách nhiệm trả nợ.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Đ đồng ý theo yêu cầu xin ly hôn của ông Q. Về quan hệ con chung: Bà Đ đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc V, sinh ngày 11/11/2019, đối với số tiền ông Q cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng, thời gian thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên, bà Đ đồng ý, không tranh chấp mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: thống nhất yêu cầu của ông Q, tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Thống nhất với ông Q về việc ông Q tự nguyện trả số tiền 150.000.000đ cho ông T và bà L, bà Đ không liên đới trách nhiệm trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thành T, bà Lê Thị Mỹ L vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa ông Trần Thanh Q cương quyết ly hôn với bà Trần Thị Ngọc Đ. Xét hôn nhân của ông bà đi đến trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Q.

Về con chung ông Q và bà Đ có 1 con chung tên Trần Quốc V, sinh ngày 11/11/2019, hiện nay chung sống với bà Đ, ông Q và bà Đ thống nhất giao con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Ông Q và bà Đ thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Q và bà Đ thống nhất ông Q tự nguyện trả số tiền 150.000.000đ, trong đó 100.000.000đ cho ông Trương Thành T và 50.000.000đ cho bà Lê Thị Cẩm L, bà Đ không liên đới trách nhiệm. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên đề nghị chấp nhận.

Đối với ông Tâm xác định có cho ông Q vay 100.000.000đ và 15 chỉ vàng, ông Tâm chỉ yêu cầu ông Q trả nợ, không yêu cầu bà Đ liên đới trách nhiệm, ông Tâm không đưa ra yêu cầu độc lập nên không xét.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 5, 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q được ly hôn với bà Đ. Về con chung giao cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung không có, về nợ chung ghi nhận ông Q tự nguyện trả số tiền 150.000.000đ, trong đó 100.000.000đ cho ông Trương Thành T và 50.000.000đ cho bà Lê Thị Cẩm L và đình chỉ yêu cầu của ông Q buộc bà Đ liên đới trách nhiệm trả nợ do ông Q rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và có căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Thanh Q và bà Trần Thị Ngọc Đ có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 143/KH.2005 ngày 05/09/2005 do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp. Ông Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đ; bà Đ cư trú tại phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông Q và bà Đ là "Tranh chấp ly hôn – Chia tài sản khi ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho các đương sự, người đại diện cho các đương sự. Tại phiên tòa ông Trần Thanh Q, bà Trần Thị Ngọc Đ có mặt, ông Trương Thành T và bà Lê Thị Mỹ L do bà Nguyễn Thị L đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đơn đề cùng ngày 21/11/2022. Do đó, căn cứ Điều 277, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử nhận định nhận thấy: Ông Trần Thanh Q và bà Trần Thị Ngọc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 143.KH.2005 ngày 05/09/2005, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay, ông Q và bà Đ phát sinh mâu thuẫn, ông Q xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Trong quan hệ hôn nhân và gia đình giữa ông Q và bà Đ sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, không còn tình cảm, yêu thương, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hai bên đã hàn gắn lại nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn càng nghiêm trọng hơn, nên ông Q yêu cầu được ly hôn với bà Đ.

[5] Xét, hôn nhân giữa ông Q và bà Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, thực hiện các công việc trong gia đình, nếu duy trì cuộc sống hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, ông Q không còn tình cảm với bà Đ, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình. Bà Đ đồng ý theo yêu cầu xin ly hôn của ông Q, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Q được ly hôn với bà Đ.

[6] Về quan hệ con chung: Ông Trần Thanh Q và bà Trần Thị Ngọc Đ có một con chung tên Trần Quốc V, sinh ngày 11/11/2019. Hiện cháu Vinh đang được bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng tốt, có nơi ở ổn định. Ông Q đồng ý giao cháu V cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà Đ thống nhất ý kiến yêu cầu của ông V và tự nguyện trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên cần thiết giao cháu Vcho bà Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông Trần Thanh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên, bà Đ đồng ý, không có ý kiến tranh chấp nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Ông Q và bà Đ yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: Ông Q yêu cầu bà Đ liên đới trách nhiệm trả nợ chung của vợ chồng 150.000.000đ. Trong đó, trả cho ông Trương Thành T số tiền 100.000.000đ, trả cho bà Lê Thị Mỹ L số tiền 50.000.000đ. Quá trình giải quyết ông Q yêu cầu tự nguyện trả toàn bộ số tiền cho ông Tâm và bà Linh. Phía ông T và bà L thống nhất thỏa thuận với ông Q về thời gian, phương thức trả nợ, các bên không tranh chấp đồng thời không yêu cầu bà Đ trách nhiệm liên đới trả nợ. Tại phiên tòa ông Q tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Đ về liên đới trách nhiệm trả nợ chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy việc ông Q rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu của ông Q là phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 và điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Trần Thanh Q nộp số tiền 150.000đ và 150.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00000922 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, ông Q đã nộp đủ. Trả lại cho ông Q 3.750.000đ (ba triệu, bảy trăm, năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000923, ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 8, 9, 19, 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179; 227, 228, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 và điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Ghi nhận ông Trần Thanh Q và bà Trần Thị Ngọc Đ thuận tình ly hôn.

Về quan hệ con chung: Ông Trần Thanh Q và bà Trần Thị Ngọc Đ có một con chung tên Trần Quốc V, sinh ngày 11/11/2019 (nam). Bà Trần Thị Ngọc Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Quốc Vinh, sinh ngày 11/11/2019. Ông Q cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng). Thời gian thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên (18 tuổi), Bà Đ phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Q trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung: Ông Trần Thanh Q và bà Trần Thị Ngọc Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận ông Q tự nguyện trả số tiền 150.000.000đ, trong đó 100.000.000đ cho ông Trương Thành T và 50.000.000đ cho bà Lê Thị Cẩm L. Đình chỉ yêu cầu của ông Trần Thanh Q đối với bà Trần Thị Ngọc Đ về yêu cầu bà Đ liên đới trách nhiệm trả số tiền nợ chung 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) cho ông Trương Thành T và bà Lê Thị Mỹ L.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Thanh Q nộp số tiền 150.000đ và 150.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00000922 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, ông Q đã nộp đủ. Trả lại cho ông Q 3.750.000đ (ba triệu, bảy trăm, năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000923, ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại nơi cư trú của

đương sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 36 Luật Thi hành án)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phương